

Số: 05 /GPMT-TNMT

Bình Thạnh, ngày 09 tháng 8 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Bình Thạnh;

Căn cứ Quyết định số 9886/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về ủy quyền Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi "Giấy phép môi trường"; thành lập Tổ thẩm định, Tổ kiểm tra cấp "Giấy phép môi trường";

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons tại Văn bản số 2902/CV-GPMT ngày 24 tháng 5 năm 2024 và Văn bản số 3114/2024/CV-CTD ngày 06 tháng 8 năm 2024 về việc đề nghị giấy phép môi trường của cơ sở "Cao ốc văn phòng Coteccons" địa chỉ 236/6 Điện Biên Phủ, Phường 17, quận Bình Thạnh;

Theo đề nghị của Tổ Kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Cao ốc văn phòng Coteccons" địa chỉ 236/6 Điện Biên Phủ, Phường 17, quận Bình Thạnh tại Tờ trình ngày 09 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons, địa chỉ 236/6 Điện Biên Phủ, Phường 17, quận Bình Thạnh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Cao ốc văn phòng Coteccons" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- Tên cơ sở: "Cao ốc văn phòng Coteccons".
- Địa điểm trụ sở chính: 236/6 Điện Biên Phủ, Phường 17, quận Bình Thạnh.
- Địa điểm hoạt động: 236/6 Điện Biên Phủ, Phường 17, quận Bình Thạnh.

1.4. Giấy đăng ký kinh doanh số: 0303443233 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 8 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 03 tháng 11 năm 2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.

1.5. Mã số thuế: 0303443233.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Tòa nhà văn phòng.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích khu đất: 1.359,9 m² (thửa đất số 14 và 13, tờ bản đồ số 17 và 19 BĐDC Phường 17 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE524043, số vào sổ cấp CT08060 ngày 16 tháng 9 năm 2011 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp).

- Quy mô: gồm 15 tầng (01 tầng kỹ thuật), 01 lửng, 02 tầng hầm. Tổng diện tích sàn xây dựng 9.850 m².

- Chiều cao toàn công trình: 55 m.

- Công suất: Số lượng 448 người (nhân viên 418 người, khách hàng 30 người).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép xem xét, giải quyết.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Phường 17 tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: ✓

- PCT.UBND quận (ĐT);
- UBND Phường 17;
- CTCP XD Coteccons;
- Lưu: VT, TNMT-MT.

TRƯỞNG PHÒNG 



Nguyễn Thị Châu Thi



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 05 /GPMT-TNMT ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh.
- Nguồn số 2: nước thải từ lavabo, vệ sinh rửa sàn.
- Nguồn số 3: nước thải từ vệ sinh thiết bị lưu chứa chất thải.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: công thoát nước khu vực.

2.2. Vị trí công trình xả nước thải: 236/6 đường Điện Biên Phủ Phường 17 quận Bình Thạnh (theo tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X = 604.402 (m), Y = 1.194.338 (m).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $32 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Phương thức xả nước thải: bơm đẩy, xả ngầm theo công ra nguồn tiếp nhận.
- Chế độ xả nước thải: liên tục (24/24 giờ).

3. Chất lượng nước thải:

- Nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	06 tháng/lần
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1.000	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh: được thu gom theo trục ống uPVC có đường kính 50 mm, chiều dài khoảng 42 m về bể tự hoại.

- Nước thải phát sinh từ lavabo, nước vệ sinh lau sàn: được thu gom theo đường ống uPVC có đường kính 50 mm, chiều dài khoảng 42 m dẫn về bể tự hoại.

- Nước thải vệ sinh thiết bị lưu chứa chất thải tại tầng hầm: được thu theo phễu thu sàn và kết nối với trục nước thải dẫn về bể tự hoại.

Nước thải sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại có thể tích 32,85 m³ theo đường ống có đường kính 150 mm, chiều dài khoảng 5 m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung đặt tại tầng hầm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh, từ lavabo, nước thải vệ sinh lau sàn, vệ sinh thiết bị lưu chứa chất thải → Bể tự hoại → Bể điều hòa → Cụm thiết bị xử lý Amonia → Bể thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí MBBR → Bể lắng đứng → Bể khử trùng → cống thoát nước khu vực.

- Công suất thiết kế: 32 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorine khử trùng 15 kg/tháng, dinh dưỡng đường 45 kg/tháng.

1.3. Hệ thống thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc tự động, liên tục theo quy định Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng công suất, quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị.

- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.

- Lập sổ theo dõi lưu lượng và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị, tránh các sự cố có thể xảy ra.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình, thu gom xử lý nước thải.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Trong quá trình vận hành, khi có sự cố, chủ cơ sở phải khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan chức năng kịp thời xử lý, lập nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục.

3.5. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. / C_{STP}



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 05 /GPMT-TNMT ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải máy phát điện dự phòng công suất 1000KVA.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: ống thoát khí thải từ máy phát điện dự phòng tại tầng mái tòa nhà địa chỉ 236/6 Điện Biên Phủ, Phường 17, quận Bình Thạnh.

Tọa độ vị trí xả thải (theo tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°): X(m) = 604.378; Y(m) = 1.194.329.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 6.501,8 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: ống thoát khí thải → môi trường xung quanh, gián đoạn (chỉ xả khi sử dụng máy phát điện).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, K _p = 1, K _v = 0,6)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	CO	mg/Nm ³	600	01 lần/năm
2	SO ₂	mg/Nm ³	300	
3	NO _x	mg/Nm ³	510	
4	Bụi	mg/Nm ³	120	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: ống khói máy phát điện đường kính Φ 300 mm, chiều cao ống khói 2 m (so với mặt sàn tầng mái). Chiều cao điểm xả so với mặt đất 57 m.

1.2. Công trình thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Tóm tắt quy trình xử lý: khí thải → ống thoát khí → môi trường xung quanh.

1.3. Hệ thống thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc tự động, liên tục theo quy định Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đảm bảo vận hành máy móc theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.
- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì các máy móc thiết bị theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.3. Trong quá trình vận hành, khi có sự cố, chủ dự án phải khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan chức năng kịp thời xử lý, lập nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục.

3.4. Tuân thủ các quy định đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 05 /GPMT-TNMT ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 2: Tiếng ồn, độ rung từ máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 3: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hệ thống thông gió tầng hầm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: X(m) = 604.378; Y(m) = 1.194.329
- Nguồn số 02: X(m) = 604.371; Y(m) = 1.194.332
- Nguồn số 03: X(m) = 604.376; Y(m) = 1.194.327

(Theo tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	01 lần/năm	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	01 lần/năm	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Hệ thống xử lý nước thải xây dựng âm tại tầng hầm, có nắp thăm đậy kín hạn chế tiếng ồn của thiết bị trong bể, phòng điều hành được xây tường bao quanh, trang bị lớp cách âm. Các máy móc thiết bị (máy thổi khí) được kê đệm cao su nhằm hạn chế độ rung.

- Máy phát điện đặt tại tầng mái, cách xa khu vực làm việc, khu dân cư, động cơ và đầu phát được đặt trên bệ thép, khung đỡ gắn trên lò xo giảm chấn và chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện.

- Đối với quạt hút hệ thống thông gió và hệ thống điều hòa đặt trên tầng mái của tòa nhà, trên nền bê tông hoàn thiện, hạn chế tiếng ồn độ rung, được định kỳ kiểm tra, bảo trì, sửa chữa.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./ smr

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 05 /GPMT-TNMT ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên loại CTNH	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Rắn/ lỏng	17 02 03	5
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	10
3	Pin, Ắc quy thải	Rắn	16 01 12	110
Tổng cộng				125

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 13	2.300
2	Bùn thải từ bể tự hoại		16.420
Tổng cộng			18.720

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Chất thải rắn sinh hoạt	Khối lượng	
		kg/ngày	kg/năm
1	Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế	154	56.210
2	Chất thải rắn sinh hoạt khác	210	76.650
3	Chất thải thực phẩm	84	30.660
Tổng khối lượng		448	163.520

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 03 thùng nhựa HDPE có thể tích 120 lít, có nắp đậy kín, được dán nhãn mã chất thải nguy hại theo quy định.

- Kho lưu chứa: tại khuôn viên tòa nhà (tầng trệt) diện tích 2,04 m², mặt sàn bê tông, có trần là tôn cách nhiệt che kín, có biển báo, dán nhãn theo quy định và trang thiết bị phòng cháy chữa cháy.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Bể tự hoại 32,85 m³ và Bể chứa bùn 7 m³ bằng vật liệu bê tông cốt thép.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Tại mỗi tầng đặt 03 thùng rác, mỗi thùng có thể tích 20 lít có nắp đậy, được dán nhãn bên trên hoặc bên ngoài thùng để nhận biết và phân loại, được thu gom tập trung về kho chứa chất thải rắn tập trung.

- Kho chứa tập trung: vị trí tại khuôn viên tòa nhà (tầng trệt), diện tích 5,1 m² nền bê tông, bố trí 04 thùng chứa bằng nhựa dung tích 240 lít có nắp đậy để lưu chứa chất thải thực phẩm, chất thải tái chế và chất thải rắn sinh hoạt khác.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp, phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành hoạt động gồm thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố của hệ thống xử lý nước thải, thoát khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 05 /GPMT-TNMT ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Cơ sở “Cao ốc văn phòng Coteccons” đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 78/GXN-UBND-TNMT ngày 05 tháng 06 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về đất đai, xây dựng, an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu trữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./.



